

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HS-ST.

Ngày: 10/7/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Thanh Liêm**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Ba**.

2. Ông **Hoàng Hữu Minh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Minh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông **Lương Duy Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Đặng Nhật Đ (tên gọi khác: Đ), sinh năm: 1994 tại Cà Mau.

Hộ khẩu thường trú: Ấp TĐ, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Ấp 1B, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Kim A; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại ấp 1B, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Bị hại: Chị **Nguyễn Hoàng Bích T**, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn VA, xã AN, huyện PM, tỉnh Bình Định.

Chỗ ở: Ấp 1B, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Trần Thị Thanh Tr**, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Xã PT, huyện NA, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở: Ấp 1C, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Nhật Đ thuê phòng trọ ở gần phòng trọ của chị Nguyễn Hoàng Bích T ở ấp 1B, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 20 giờ ngày 03/4/2018, Đ phát hiện cửa hông phía sau phòng trọ của chị T không khóa nên Đ đã mở cửa vào bên trong lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu OPPO F5 màu đỏ và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 130 màu đen đem về cất giấu tại bụi cây chuối gần nhà rồi đi về phòng trọ. Đến ngày 05/4/2018, Đ đem điện thoại di động hiệu OPPO F5 màu đỏ trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại “TH2” ở ấp 1C, xã PT thuê chị Trần Thị Thanh Tr mở khóa mật khẩu, chị Tr đồng ý và hẹn Đ khi nào mở được sẽ báo cho Đ biết. Sau khi bị mất điện thoại, chị T nghi ngờ Đ trộm cắp nên báo Công an xã Phước Thái, Công an xã Phước Thái mời Đ làm việc thì Đ khai nhận trộm cắp điện thoại của chị T và giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Nokia 130 màu đen. Đồng thời, Công an xã Phước Thái đến cửa hàng điện thoại “TH2” thu giữ 01 điện thoại di động hiệu OPPO F5 màu đỏ là vật chứng vụ án.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20/HĐ-ĐG ngày 16/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 màu đỏ đã qua sử dụng, trị giá 4.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130 màu đen đã qua sử dụng, trị giá 200.000 đồng. Tổng giá trị là 4.200.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 màu đỏ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130 màu đen đã thu hồi trả lại cho bị hại chị Nguyễn Hoàng Bích T.

Tại Cáo trạng số 60/CT-VKS ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Đặng Nhật Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Đ 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho chị T, chị T và chị Tr không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Đối với chị Trần Thị Thanh Tr có hành vi mở khóa mật khẩu điện thoại cho Đ nhưng chị Tr không biết đó là tài sản do Đ trộm cắp nên không xử lý.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Nhật Đ khai nhận: Lúc 20 giờ ngày 03/4/2018, tại phòng trọ của chị Nguyễn Hoàng Bích T ở ấp 1B, xã PT, huyện LT, Đặng Nhật Đ có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 màu đỏ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130 màu đen có tổng giá trị 4.200.000 đồng. Đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Đặng Nhật Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là một thanh niên có sức khỏe nhưng lười lao động, có tư tưởng hưởng thụ, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét áp dụng điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, chỉ cần xử phạt cải tạo không giam giữ một thời gian theo Điều 36 Bộ luật Hình sự là đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[4] Về khấu trừ một phần thu nhập: Bị cáo hiện nay đang ở nhà trọ, làm công nhân, thu nhập thấp nên xét miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo chấp hành án, lao động trở thành người tốt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho chị T, chị T và chị Tr không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo

không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo **Đặng Nhật Đ** (tên gọi khác: Đ) phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Xử phạt bị cáo **Đặng Nhật Đ 01 (một) năm cải tạo không giam giữ**. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đặng Nhật Đ cho Ủy ban nhân dân xã PT giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo Đ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã PT trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đặng Nhật Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Công an huyện Long Thành (2);
- Chi cục THADS huyện Long Thành (1);
- Bị cáo (1); Bị hại (1); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (1);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng (6).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Thanh Liêm